

Số: 4397/QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 16 tháng 11 năm 2017

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Kế hoạch số 131/KH-UBND ngày 09/8/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 của tỉnh Thanh Hóa năm 2017;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 524/TTr-STP ngày 08/11/2017,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 588 thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

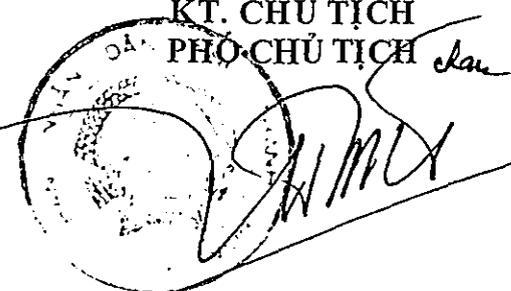
**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2 QĐ;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH *Jan*



Lê Thị Thìn

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ  
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CÁC CẤP CHÍNH QUYỀN  
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA**

(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~4397~~ /QĐ-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2017  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
<b>Lĩnh vực Đất đai</b>			
1.	T-THA-008665-TT	Giới thiệu địa điểm và thẩm định nhu cầu xin giao đất đối với tổ chức kinh tế trên địa bàn Thanh Hóa	- Luật đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013.
2.	T-THA-008669-TT	Giới thiệu địa điểm và thẩm định nhu cầu xin thuê đất đối với tổ chức kinh tế trên địa bàn Thanh Hóa	
3.	T-THA-008670-TT	Tách, hợp thửa theo nhu cầu của người sử dụng đất (đối với tổ chức kinh tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài)	
4.	T-THA-008674-TT	Tách thửa, trường hợp nhà nước thu hồi một phần thửa đất (đối với tổ chức kinh tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài)	
5.	T-THA-009583-TT	Xét duyệt quy hoạch sử dụng đất chi tiết của Khu kinh tế Nghi Sơn	
6.	T-THA-009588-TT	Thu hồi đất đối với các trường hợp quy định tại Khoản 2 và Khoản 8 Điều 38 của Luật Đất đai thuộc trường hợp giao đất không thu tiền sử dụng đất, được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất mà tiền sử dụng đất đã nộp có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm nay bị giải thể, phá sản, chuyển đi nơi khác, giám hoặc không còn nhu cầu sử dụng đất; Người sử dụng đất tự nguyện trả lại đất (đối tượng là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài)	
7.	T-THA-009679-TT	Thu hồi đất đối với các trường hợp qui định tại Khoản 3, 4, 5, 6, 9, 11 và Khoản 12 Điều 38 Luật Đất đai	

8.	T-THA-009883-TT	Thu hồi đất đối với các trường hợp quy định tại Khoản 7 Điều 38 của Luật Đất đai thuộc trường hợp cá nhân sử dụng đất chết mà không có người thừa kế (đối tượng là người Việt Nam định cư ở nước ngoài, cá nhân nước ngoài)
9.	T-THA-011072-TT	Thu hồi đất đối với trường hợp quy định tại khoản 10 Điều 38 của Luật Đất đai thuộc trường hợp đất được Nhà nước giao, cho thuê có thời hạn mà không được gia hạn khi hết thời hạn (đối tượng là tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài)
10.	T-THA-013278-TT	Giao đất chưa được giải phóng mặt bằng đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài (trường hợp không thu tiền sử dụng đất)
11.	T-THA-012798-TT	Thuê đất đã được giải phóng mặt bằng hoặc không phải giải phóng mặt bằng đối với tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài (không thuộc trường hợp phải đấu giá quyền sử dụng đất)
12.	T-THA-013301-TT	Giao đất đã được giải phóng mặt bằng hoặc không phải giải phóng mặt bằng đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài (trường hợp không thu tiền sử dụng đất)
13.	T-THA-013323-TT	Giao đất đã được giải phóng mặt bằng hoặc không phải giải phóng mặt bằng đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài (trường hợp có thu tiền sử dụng đất)
14.	T-THA-013350-TT	Giao đất chưa được giải phóng mặt bằng đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài (trường hợp có thu tiền sử dụng đất)
15.	T-THA-012871-TT	Thuê đất chưa được bồi thường giải phóng mặt bằng (đối với tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài)

16.	T-THA-013387-TT	Giao đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh (trường hợp không phải bồi thường giải phóng mặt bằng hoặc đất đã bồi thường giải phóng mặt bằng)
17.	T-THA-013201-TT	Gia hạn sử dụng đất đối với tổ chức kinh tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài được Nhà nước cho thuê đất phi nông nghiệp.
18.	T-THA-012955-TT	Chuyển từ hình thức thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất (đối tượng là tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài).
19.	T-THA-013209-TT	Chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất không thu tiền sử dụng đất thuộc trường hợp phải xin phép (đối tượng là tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài chưa sử dụng đất) để sử dụng vào mục đích công trình công cộng.
20.	T-THA-013215-TT	Chuyển mục đích sử dụng đất và thuê đất đối với trường hợp phải xin phép (đối tượng là tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài đang sử dụng đất) để sản xuất kinh doanh.
21.	T-THA-013221-TT	Chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất có thu tiền sử dụng đất thuộc trường hợp phải xin phép (đối tượng là tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài chưa sử dụng đất) để sử dụng vào mục đích sản xuất kinh doanh.
22.	T-THA-013223-TT	Chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất không thu tiền sử dụng đất đối với trường hợp phải xin phép (đối tượng là tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài đang sử dụng đất) để sử dụng vào mục đích công trình công cộng.

23.	T-THA-013224-TT	Chuyển mục đích sử dụng đất và thuê đất đối với trường hợp phải xin phép (trường hợp dự án đầu tư phải nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất)
24.	T-THA-013226-TT	Chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất có thu tiền sử dụng đất thuộc trường hợp phải xin phép (đối tượng là tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài chưa sử dụng đất) để sử dụng vào mục đích sản xuất kinh doanh
25.	T-THA-014388-TT	Giao đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh (trường hợp chưa bồi thường giải phóng mặt bằng)
26.	T-THA-014394-TT	Giao đất cho Ban quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn (trường hợp chưa bồi thường giải phóng mặt bằng).
27.	T-THA-014402-TT	Giao đất cho Trung tâm Phát triển quỹ đất Thanh Hoá (trường hợp chưa bồi thường giải phóng mặt bằng).
28.	T-THA-018165-TT	Cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với tổ chức kinh tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, cá nhân nước ngoài.
29.	T-THA-018181-TT	Đăng ký nhận quyền sử dụng đất do xử lý hợp đồng thế chấp, góp vốn, kê biên bán đấu giá bằng quyền sử dụng đất (đối tượng là tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài).
30.	T-THA-018329-TT	Đăng ký góp vốn bằng quyền sử dụng đất (đối tượng là tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài), trường hợp thực hiện chỉnh lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
31.	T-THA-018360-TT	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người trúng đấu giá quyền sử dụng đất, trúng đấu thầu dự án có sử dụng đất (đối tượng là tổ chức, người Việt Nam ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài)
32.	T-THA-018368-TT	Xoá đăng ký góp vốn bằng quyền sử dụng đất (đối tượng là tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài), trường hợp trước đây khi góp vốn chỉ chỉnh lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

33.	T-THA-018383-TT	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người nhận quyền sử dụng đất thuộc trường hợp quy định tại điểm k và điểm l khoản 1 Điều 99 Nghị định 181
34.	T-THA-018395-TT	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài trong khu kinh tế.
35.	T-THA-018396-TT	Đăng ký thế chấp bằng quyền sử dụng đất hoặc bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (đối tượng là tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài).
36.	T-THA-018400-TT	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đơn vị vũ trang nhân dân đang sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh.
37.	T-THA-018406-TT	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp không phải xin phép (đối tượng là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài)
38.	T-THA-018410-TT	Đăng ký biến động về sử dụng đất do đổi tên, giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên, thay đổi về quyền, thay đổi về nghĩa vụ tài chính (đối tượng là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài).
39.	T-THA-018412-TT	Đăng ký thế chấp bằng tài sản gắn liền với đất hoặc bằng tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai (đối tượng là tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài)
40.	T-THA-018415-TT	Đăng ký thay đổi nội dung thế chấp đã đăng ký (đối tượng là tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài).
41.	T-THA-018273-TT	Đăng ký cho thuê quyền sử dụng đất (đối tượng là tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài), trường hợp chỉnh lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp.
42.	T-THA-018292-TT	Đăng ký cho thuê lại quyền sử dụng đất (đối tượng là tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân

		nước ngoài), trường hợp thực hiện thủ tục cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
43.	T-THA-018302-TT	Xoá đăng ký cho thuê quyền sử dụng đất (đối tượng là tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài).
44.	T-THA-018317-TT	Xoá đăng ký cho thuê lại quyền sử dụng đất (đối tượng là tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài).
45.	T-THA-018318-TT	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tổ chức đang sử dụng đất
46.	T-THA-018726-TT	Xoá đăng ký thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (đối tượng là tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài).
47.	T-THA-018731-TT	Sửa chữa sai sót trong nội dung đăng ký thế chấp (đối tượng là tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài)
48.	T-THA-018743-TT	Chuyển nhượng quyền sử dụng đất (đối tượng là tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài), trường hợp chỉnh lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp .
49.	T-THA-078043-TT	Chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp phải xin phép.
50.	T-THA-104286-TT	Chuyển mục đích sử dụng đất và thuê đất thuộc trường hợp phải xin phép (đối tượng là tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài chưa sử dụng đất) để sử dụng vào mục đích thăm dò khai thác khoáng sản, sản xuất gạch ngói, làm đồ gốm.
51.	T-THA-104291-TT	Chuyển mục đích sử dụng đất và thuê đất đối với trường hợp phải xin phép (đối tượng là tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài đang sử dụng đất) để sử dụng vào mục đích thăm dò, khai thác khoáng sản, sản xuất gạch ngói, làm đồ gốm.
52.	T-THA-104301-TT	Thuê đất đã được giải phóng mặt bằng hoặc không phải giải phóng mặt bằng đối với tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước

		ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài (không thuộc trường hợp phải đấu giá quyền sử dụng đất) để sử dụng vào mục đích thăm dò, khai thác khoáng sản; sản xuất gạch ngói, làm đồ gốm.
53.	T-THA-104303-TT	Thuê đất chưa được bồi thường giải phóng mặt bằng (đối với tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài) để sử dụng vào mục đích thăm dò, khai thác khoáng sản; sản xuất gạch ngói, làm đồ gốm.
54.	T-THA-107249-TT	Đăng ký cho thuê quyền sử dụng đất (đối tượng là tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài), trường hợp thực hiện thủ tục cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
55.	T-THA-107264-TT	Đăng ký cho thuê lại quyền sử dụng đất (đối tượng là tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài), trường hợp chỉnh lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp.
56.	T-THA-107275-TT	Đăng ký góp vốn bằng quyền sử dụng đất (đối tượng là tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài), trường hợp thực hiện thủ tục cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
57.	T-THA-107286-TT	Xoá đăng ký góp vốn bằng quyền sử dụng đất (đối tượng là tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài), trường hợp trước đây khi góp vốn cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nay không thay đổi thửa đất.
58.	T-THA-107290-TT	Xoá đăng ký góp vốn bằng quyền sử dụng đất (đối tượng là tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài), trường hợp trước đây khi góp vốn cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có thay đổi thửa đất.
59.	T-THA-107161-TT	Chuyển nhượng quyền sử dụng đất (đối tượng là tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài), trường hợp cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
60.	T-THA-197949-TT	Chuyển mục đích sử dụng đất và thuê đất đối với trường hợp phải xin phép (đối tượng

		là tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đang sử dụng đất) để sử dụng vào mục đích sản xuất gạch ngói, làm đồ gốm.
61.	T-THA-197950-TT	Chuyển mục đích sử dụng đất và thuê đất (đối tượng là tổ chức kinh tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài chưa có đất) để sử dụng vào mục đích sản xuất gạch ngói, làm đồ gốm.
62.	T-THA-197952-TT	Chuyển mục đích sử dụng đất và thuê đất đối với trường hợp phải xin phép (đối tượng là tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài) để sử dụng vào mục đích thăm dò khai thác khoáng sản, sản xuất gạch ngói, làm đồ gốm đối với trường hợp thẩm quyền cấp phép khai thác mỏ không thuộc UBND tỉnh
63.	T-THA-197953-TT	Chuyển mục đích sử dụng đất và thuê đất (đối tượng là người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài đang sử dụng đất) để sản xuất kinh doanh.
64.	T-THA-197954-TT	Chuyển mục đích sử dụng đất và thuê đất (đối tượng là tổ chức kinh tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài chưa sử dụng đất) để sản xuất kinh doanh.
65.	T-THA-197955-TT	Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất có thu tiền sử dụng đất thuộc trường hợp phải xin phép (đối tượng là tổ chức kinh tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đang sử dụng đất) để sử dụng vào mục đích sản xuất kinh doanh
66.	T-THA-197956-TT	Chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất có thu tiền sử dụng đất thuộc trường hợp phải xin phép (đối tượng là tổ chức kinh tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài chưa có đất) để sử dụng vào mục đích sản xuất kinh doanh.
67.	T-THA-229434-TT	Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, thế chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất hoặc thế chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai (đối tượng là tổ chức trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, cá nhân nước ngoài, tổ chức nước ngoài).

68.	T-THA-229433-TT	Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất trong trường hợp chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất đồng thời là người sử dụng đất (đối tượng là tổ chức trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, cá nhân nước ngoài, tổ chức nước ngoài).
69.	T-THA-229436-TT	Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, thế chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất hoặc thế chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai (đối tượng là tổ chức trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, cá nhân nước ngoài, tổ chức nước ngoài).
70.	T-THA-229435-TT	Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai (đối tượng là tổ chức trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài)
71.	T-THA-229437-TT	Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất trong trường hợp chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất không đồng thời là người sử dụng đất (đối tượng là tổ chức trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, cá nhân nước ngoài, tổ chức nước ngoài).
72.	T-THA-229438-TT	Đăng ký thay đổi nội dung thế chấp đã đăng ký (đối tượng là tổ chức trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, cá nhân nước ngoài, tổ chức nước ngoài).
73.	T-THA-229439-TT	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp đã đăng ký thế chấp (đối tượng là tổ chức trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài).
74.	T-THA-229440-TT	Xoá đăng ký thế chấp (đối tượng là tổ chức trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài).
75.	T-THA-229441-TT	Yêu cầu sửa chữa sai sót nội dung đăng ký thế chấp do lỗi của người thực hiện đăng ký (đối tượng là tổ chức trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, cá nhân nước ngoài, tổ chức nước ngoài).
76.	T-THA-042342-TT	Giao lại đất, tho thuê đất đối với tổ chức, cá nhân trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.

77.	T-THA-042352-TT	Giao lại đất, tho thuê đất đối với hộ gia đình, cá nhân thuộc diện tái định cư trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.	
<b>Lĩnh vực Môi trường</b>			
78.	T-THA-009570-TT	Phê duyệt đề án bảo vệ môi trường của khu vực sản xuất kinh doanh dịch vụ và các cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ đã hoạt động mà không có Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường	Nghị định 19/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ.
79.	T-THA-013198-TT	Thẩm định hồ sơ đăng ký nộp phí bảo vệ môi trường (đối với nước thải)	
80.	T-THA-009572-TT	Cấp giấy phép hành nghề vận chuyển chất thải nguy hại	Luật Bảo vệ môi trường năm 2014;
81.	T-THA-009574-TT	Xác nhận gia hạn Giấy phép hành nghề vận chuyển chất thải nguy hại	
82.	T-THA-208384-TT	Cấp giấy xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án (được thay thế theo quy định tại Điều 24, 25, 27 Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ).	
83.	T-THA-208385-TT	Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM).	
84.	T-THA-208386-TT	Kiểm tra, xác nhận việc hoàn thành các nội dung cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản.	
85.	T-THA-208388-TT	Cấp giấy xác nhận đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản.	
86.	T-THA-208390-TT	Đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường (được thay thế theo quy định tại Chương IV Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ).	
87.	T-THA-234595-TT	Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC)	
88.	T-THA-042399-TT	Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung của các Dự án đầu tư trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.	
89.	T-THA-042404-TT	Xác nhận Dự án thực hiện các nội dung của báo cáo và yêu cầu của Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của các Dự án đầu tư trong Khu kinh tế	

		Nghi Sơn và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.	
90.	T-THA-042409-TT	Xác nhận đã hoàn thành Dự án cải tạo phục hồi môi trường sau khai thác khoáng sản trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.	
91.	T-THA-042415-TT	Thẩm định và Phê duyệt Dự án cải tạo phục hồi môi trường sau khai thác khoáng sản trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp thuộc thẩm quyền thẩm định, phê duyệt của UBND tỉnh.	
92.	T-THA-042311-TT	Phê duyệt Đề án Bảo vệ môi trường của các Dự án đã đi vào hoạt động trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.	
93.	T-THA-042359-TT	Xác nhận hoàn thành các nội dung trong đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt hoặc xác nhận của các Dự án đã đi vào hoạt động trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.	
94.	T-THA-042373-TT	Thẩm định và Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án đầu tư vào Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.	
95.	T-THA-042387-TT	Xác nhận Đề án bảo vệ môi trường của các Dự án đã đi vào hoạt động trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.	
96.	T-THA-209678-TT	Đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường	Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015.
<b>Lĩnh vực Khoáng sản, địa chất</b>			
97.	T-THA-234836-TT	Gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản	Do đã được chuẩn hóa (trên cơ sở DLQG không có nội dung về TTHC)
98.	T-THA-234894-TT	Trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản	Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày

99.	T-THA-234895-TT	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	
100.	T-THA-234896-TT	Thẩm định, phê duyệt trữ lượng khoáng sản	
101.	T-THA-234900-TT	Thẩm định, phê duyệt hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản	
102.	T-THA-246588-TT	Gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản và cho thuê đất	
103.	T-THA-246589-TT	Trả lại giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản và cho thuê đất	
104.	T-THA-246590-TT	Cấp giấy phép thăm dò khoáng sản	
105.	T-THA-246592-TT	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản và thuê đất	
106.	T-THA-246593-TT	Cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản và cho thuê đất	
107.	T-THA-246594-TT	Trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản và cho thuê đất	
108.	T-THA-246595-TT	Gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản và cho thuê đất	
<b>Lĩnh vực Đo đạc và Bản đồ</b>			
109.	T-THA-017985-TT	Kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình sản phẩm đo đạc và bản đồ	Nghị định số 45/2015/NĐ-CP ngày 6/5/2015 của Chính phủ
110.	T-THA-018028-TT	Giao nộp sản phẩm và quyết toán công trình sản phẩm	
111.	T-THA-017970-TT	Đăng ký hoạt động đo đạc và bản đồ	
<b>Lĩnh vực Nhà ở và công sở</b>			
112.	T-THA-009731-TT	Cấp lại giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở đối với trường hợp chuyển nhượng nhà ở đã có giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở (đối với tổ chức)	- Luật xây dựng năm 2014. - Luật nhà ở năm 2014
113.	T-THA-009649-TT	Cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở (trường hợp giấy chứng nhận đã được cấp bị mất, hoặc rách nát) (đối với tổ chức)	
114.	T-THA-010081-TT	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng (đối với tổ chức).	
115.	T-THA-010381-TT	Cấp lại Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng (đối với tổ chức).	
116.	T-THA-011044-TT	Cấp mới Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng (đối với tổ chức).	

117.	T-THA-010854-TT	Cấp mới Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở (đối với tổ chức)	
118.	T-THA-012802-TT	Xác nhận thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng (đối với tổ chức)	
119.	T-THA-013241-TT	Xác nhận thay đổi giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở (đối với tổ chức)	
<b>Lĩnh vực Hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao</b>			
120.	T-THA-011077-TT	Thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch cấp nước đô thị (trừ loại đặc biệt).	Luật Xây dựng năm 2014.
121.	T-THA-011131-TT	Thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch quản lý chất thải rắn cấp vùng tỉnh.	
122.	T-THA-011221-TT	Thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch thoát nước vùng tỉnh, quy hoạch thoát nước đô thị.	
123.	T-THA-011282-TT	Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch thoát nước vùng tỉnh, quy hoạch thoát nước đô thị.	
124.	T-THA-011306-TT	Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch cấp nước đô thị (trừ loại đặc biệt).	
125.	T-THA-012145-TT	Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch quản lý chất thải rắn cấp vùng tỉnh.	
<b>Lĩnh vực Hoạt động xây dựng</b>			
126.	T-THA-103569-TT	Cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở đối với nhà ở được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở lần đầu cho cá nhân trong nước được tạo lập từ ngày Luật Nhà ở có hiệu lực thi hành (01/7/2006).	Luật Nhà ở năm 2014
127.	T-THA-103917-TT	Cấp lại, cấp đổi, xác nhận thay đổi Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở cho cá nhân trong nước có nhà ở được tạo lập từ trước ngày Luật Nhà ở có hiệu lực thi hành (01/7/2006)	
128.	T-THA-103920-TT	Cấp lại, cấp đổi, xác nhận thay đổi Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở cho cá nhân trong nước có nhà ở được tạo lập từ ngày Luật Nhà ở có hiệu lực thi hành (01/7/2006).	
129.	T-THA-103922-TT	Cấp lại, cấp đổi, xác nhận thay đổi Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài.	

130.	T-THA-103924-TT	Cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở đối với nhà ở được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở lần đầu cho Người Việt Nam định cư ở nước ngoài.	
131.	T-THA-103926-TT	Cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở đối với nhà ở được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở lần đầu cho cá nhân trong nước được tạo lập từ trước ngày Luật Nhà ở có hiệu lực thi hành (01/7/2006).	
132.	T-THA-234533-TT	Cấp giấy phép xây dựng công trình không theo tuyến (trừ công trình cấp đặc biệt, cấp I, Cấp II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa; công trình tượng đài, tranh hoành tráng; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài; công trình thuộc dự án; những công trình tại các khu vực, trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị theo danh mục tại phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 1350/2013/QĐ-UBND ngày 25/4/2013 của UBND tỉnh Thanh Hóa; công trình trong khu kinh tế, khu công nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của Ban quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn).	Luật Xây dựng năm 2014.
133.	T-THA-234537-TT	Điều chỉnh giấy phép xây dựng công trình, nhà ở riêng lẻ tại đô thị (Trừ các tuyến đường, trục phố chính theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo quyết định số 1350/2013/QĐ-UBND ngày 25/4/2013 của UBND tỉnh Thanh Hóa).	
134.	T-THA-234610-TT	Cấp giấy phép xây dựng công trình theo giai đoạn.	
<b>Lĩnh vực Bảo trợ xã hội</b>			
135.	T-THA-020749-TT	Cấp giấy chứng nhận hộ nghèo	Do đã được chuẩn hóa
136.	T-THA-020812-TT	Giải thể các cơ sở Bảo trợ xã hội không đủ điều kiện hoạt động	Nghị định số 81/2012/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định số 68/2008/NĐ-CP
137.	T-THA-022778-TT	Thành lập cơ sở Bảo trợ xã hội	
138.	T-THA-022877-TT	Thành lập cơ sở Bảo trợ xã hội ngoài công lập	
139.	T-THA-099741-TT	Giải thể cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập.	
140.	T-THA-099684-TT	Thành lập cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập.	
141.	T-THA-099720-TT	Thay đổi tên cơ sở, trụ sở, Giám đốc, quy chế của cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập.	

142.	T-THA-116081-TT	Xác nhận đơn hỗ trợ dầu hoả thấp sáng cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số, hộ thuộc diện chính sách, hộ nghèo ở những nơi chưa có điện lưới.	Quyết định 795/QĐ-TTg ngày 09/6/2015.
143.	T-THA-174898-TT	Hỗ trợ chi phí mai táng đối với người cao tuổi đang hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng.	Nghị định 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013
144.	T-THA-174899-TT	Tiếp nhận người cao tuổi vào nuôi dưỡng, chăm sóc trong cơ sở Bảo trợ xã hội thuộc cấp tỉnh quản lý.	
145.	T-THA-174900-TT	Hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng khi người cao tuổi thay đổi nơi cư trú.	
146.	T-THA-174902-TT	Hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng đối với người cao tuổi đủ điều kiện tiếp nhận vào sống trong cơ sở bảo trợ xã hội nhưng có người nhận chăm sóc tại cộng đồng	
147.	T-THA-174903-TT	Quyết định điều chỉnh mức trợ cấp xã hội hằng tháng đối với người cao tuổi.	
148.	T-THA-174904-TT	Quyết định thôi hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng đối với người cao tuổi	
149.	T-THA-174905-TT	Thực hiện trợ cấp xã hội hằng tháng đối với người cao tuổi.	
150.	T-THA-174906-TT	Tiếp nhận người cao tuổi vào nuôi dưỡng, chăm sóc trong cơ sở Bảo trợ xã hội thuộc cấp huyện quản lý	
151.	T-THA-072221-TT	Chế độ trợ cấp đối với người tâm thần mãn tính sống độc thân không nơi nương tựa hoặc gia đình thuộc diện hộ nghèo	
152.	T-THA-072225-TT	Chế độ trợ cấp đối với người cao tuổi cô đơn, thuộc hộ gia đình nghèo	
153.	T-THA-072230-TT	Chế độ trợ cấp đối với người cao tuổi còn vợ hoặc chồng, nhưng già yếu, tàn tật nặng, không có con, cháu, người thân thích để nương tựa, thuộc hộ gia đình nghèo	
154.	T-THA-072233-TT	Chế độ trợ cấp đối với người cao tuổi cô đơn thuộc hộ gia đình nghèo, tàn tật nặng	
155.	T-THA-073035-TT	Chế độ trợ cấp đối với người đơn thân thuộc diện hộ nghèo, đang nuôi con nhỏ từ 18 tháng tuổi đến dưới 16 tuổi; trường hợp con đang đi học văn hoá, học nghề áp dụng đến dưới 18 tuổi	
156.	T-THA-073042-TT	Hỗ trợ kinh phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng trợ cấp bị chết	

157.	T-THA-073046-TT	Chế độ trợ cấp đối với Trẻ em bị tàn tật hoặc nhiễm HIV mồ côi cha hoặc mẹ nhưng người còn lại là mẹ hoặc cha mất tích theo quy định hoặc không đủ năng lực, khả năng để nuôi dưỡng
158.	T-THA-073051-TT	Chế độ trợ cấp đối với trẻ bị tàn tật hoặc nhiễm HIV mồ côi cả cha và mẹ, trẻ em bị bỏ rơi, mất nguồn nuôi dưỡng.
159.	T-THA-073055-TT	Chế độ trợ cấp đối với Trẻ em bị tàn tật hoặc nhiễm HIV có cha và mẹ đang trong thời gian chấp hành hình phạt tù tại trại giam, không còn người nuôi dưỡng;
160.	T-THA-078773-TT	Chế độ trợ cấp đối với người chưa thành niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi nhưng đang đi học văn hoá, học nghề thuộc một trong các trường hợp: - Mồ côi cả cha và mẹ, trẻ em bị bỏ rơi, mất nguồn nuôi dưỡng; - Mồ côi cha hoặc mẹ nhưng người còn lại là mẹ hoặc cha mất tích theo quy định tại Điều 78 của Bộ luật Dân sự hoặc không đủ năng lực, khả năng để nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật; - Có cha và mẹ, hoặc cha hoặc mẹ đang trong thời gian chấp hành hình phạt tù tại trại giam, không còn người nuôi dưỡng.
161.	T-THA-078837-TT	Chế độ trợ cấp đối với người chưa thành niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi bị tàn tật hoặc bị nhiễm HIV/AIDS nhưng đang đi học văn hoá, học nghề thuộc một trong các trường hợp: - Mồ côi cả cha và mẹ, trẻ em bị bỏ rơi, mất nguồn nuôi dưỡng; - Mồ côi cha hoặc mẹ nhưng người còn lại là mẹ hoặc cha mất tích theo quy định tại Điều 78 của Bộ luật Dân sự hoặc không đủ năng lực, khả năng để nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật; - Có cha và mẹ, hoặc cha hoặc mẹ đang trong thời gian chấp hành hình phạt tù tại trại giam, không còn người nuôi dưỡng; - Nhiễm HIV/AIDS thuộc hộ gia đình nghèo.
162.	T-THA-078855-TT	Chế độ trợ cấp đối với Trẻ em có cha và mẹ, đang trong thời gian chấp hành hình phạt tù tại trại giam, không còn người nuôi dưỡng.

163.	T-THA-078857-TT	Chế độ trợ cấp đối với người tâm thần mãn tính sống độc thân không nơi nương tựa hoặc gia đình thuộc diện hộ nghèo.
164.	T-THA-078863-TT	Chế độ trợ cấp đối với người cao tuổi cô đơn, thuộc hộ gia đình nghèo.
165.	T-THA-078866-TT	Chế độ trợ cấp đối với trẻ bị nhiễm HIV thuộc gia đình hộ nghèo.
166.	T-THA-078899-TT	Chế độ trợ cấp đối với người cao tuổi còn vợ hoặc chồng, nhưng già yếu, tàn tật nặng, không có con, cháu, người thân thích để nương tựa, thuộc hộ gia đình nghèo.
167.	T-THA-078904-TT	Chế độ trợ cấp đối với Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ nhưng người còn lại là mẹ hoặc cha mất tích theo quy định tại Điều 78 của Bộ luật Dân sự hoặc không đủ năng lực, khả năng để nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật.
168.	T-THA-078933-TT	Chế độ trợ cấp đối với người từ 85 tuổi trở lên không có lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng.
169.	T-THA-078954-TT	Chế độ trợ cấp đối với người tàn tật không có khả năng lao động hoặc không có khả năng tự phục vụ thuộc hộ gia đình nghèo.
170.	T-THA-078966-TT	Chế độ trợ cấp đối với người đơn thân thuộc diện hộ nghèo đang nuôi con nhỏ dưới 18 tháng tuổi; từ 18 tháng tuổi trở lên bị tàn tật hoặc bị nhiễm HIV/AIDS.
171.	T-THA-078975-TT	Chế độ trợ cấp đối với hộ gia đình có 2 người trở lên tàn tật nặng, không tự phục vụ.
172.	T-THA-078998-TT	Hỗ trợ kinh phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng trợ cấp bị chết.
173.	T-THA-078745-TT	Chế độ trợ cấp đối với Trẻ em bị tàn tật hoặc nhiễm HIV có cha và mẹ đang trong thời gian chấp hành hình phạt tù tại trại giam, không còn người nuôi dưỡng.
174.	T-THA-174898-TT	Hỗ trợ chi phí mai táng đối với người cao tuổi đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng.
175.	T-THA-174899-TT	Tiếp nhận người cao tuổi vào nuôi dưỡng, chăm sóc trong cơ sở Bảo trợ xã hội thuộc cấp tỉnh quản lý.
176.	T-THA-174900-TT	Hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng khi người cao tuổi thay đổi nơi cư trú.

177.	T-THA-174902-TT	Hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng đối với người cao tuổi đủ điều kiện tiếp nhận vào sống trong cơ sở bảo trợ xã hội nhưng có người nhận chăm sóc tại cộng đồng
178.	T-THA-174903-TT	Quyết định điều chỉnh mức trợ cấp xã hội hàng tháng đối với người cao tuổi.
179.	T-THA-174904-TT	Quyết định thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng đối với người cao tuổi
180.	T-THA-174905-TT	Thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng đối với người cao tuổi.
181.	T-THA-174906-TT	Tiếp nhận người cao tuổi vào nuôi dưỡng, chăm sóc trong cơ sở Bảo trợ xã hội thuộc cấp huyện quản lý
182.	T-THA-228707-TT	Trợ cấp hàng tháng đối với trẻ em nhiễm HIV/AIDS thuộc hộ gia đình nghèo.
183.	T-THA-228709-TT	Trợ cấp hàng tháng đối với người nhiễm HIV/AIDS không còn khả năng lao động, thuộc hộ gia đình nghèo.
184.	T-THA-228708-TT	Trợ cấp hàng tháng đối với trẻ em có cha và mẹ, hoặc cha hoặc mẹ đang trong thời gian chấp hành hình phạt tù tại trại giam, không còn người nuôi dưỡng.
185.	T-THA-228712-TT	Trợ cấp hàng tháng đối với người chưa thành niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi nhưng đang đi học văn hoá, học nghề có hoàn cảnh mồ côi cả cha và mẹ, trẻ em bị bỏ rơi, mất nguồn nuôi dưỡng.
186.	T-THA-228713-TT	Trợ cấp hàng tháng đối với người chưa thành niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi nhưng đang đi học văn hoá, học nghề có hoàn cảnh là trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ nhưng người còn lại là mẹ hoặc cha mất tích theo quy định tại Điều 78 của Bộ luật Dân sự hoặc không đủ năng lực, khả năng để nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật.
187.	T-THA-227267-TT	Trợ cấp hàng tháng đối với trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, trẻ em bị bỏ rơi, mất nguồn nuôi dưỡng.
188.	T-THA-227268-TT	Trợ cấp hàng tháng đối với trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ nhưng người còn lại là mẹ hoặc cha mất tích theo quy định tại Điều 78 của Bộ luật Dân sự hoặc không đủ năng lực, khả năng để nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật.

189.	T-THA-228714-TT	Trợ cấp hàng tháng đối với người chưa thành niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi nhưng đang đi học văn hoá, học nghề có hoàn cảnh là trẻ em có cha và mẹ, hoặc cha hoặc mẹ đang trong thời gian chấp hành hình phạt tù tại trại giam, không còn người nuôi dưỡng.	
190.	T-THA-228716-TT	Trợ cấp hàng tháng đối với người chưa thành niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi nhưng đang đi học văn hoá, học nghề có hoàn cảnh là trẻ em nhiễm HIV/AIDS thuộc hộ gia đình nghèo.	
<b>Lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội</b>			
191.	T-THA-022898-TT	Tiếp nhận và hỗ trợ tái hoà nhập cộng đồng cho phụ nữ, trẻ em bị buôn bán từ nước ngoài trở về.	Do đã được chuẩn hóa.
192.	T-THA-215706-TT	Hoãn chấp hành quyết định đưa người nghiện ma túy vào Trung tâm chữa bệnh - Giáo dục - Lao động, xã hội.	
193.	T-THA-215707-TT	Miễn chấp hành quyết định đưa người nghiện ma túy vào Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội.	
194.	T-THA-215710-TT	Miễn chấp hành quyết định đưa người bán dâm vào Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội.	
195.	T-THA-215708-TT	Hoãn chấp hành quyết định đưa người bán dâm vào Trung tâm chữa bệnh - giáo dục - lao động, xã hội.	
196.	T-THA-215713-TT	Giảm thời hạn hoặc miễn chấp hành quyết định tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội đối với người nghiện ma túy và người bán dâm.	
197.	T-THA-215704-TT	Đưa người chưa thành niên từ đủ 12 đến dưới 18 tuổi nghiện ma túy vào cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động, xã hội đối với người có nơi cư trú nhất định	
198.	T-THA-215715-TT	Tạm đình chỉ thi hành Quyết định tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội đối với người nghiện ma túy, người bán dâm.	
199.	T-THA-215716-TT	Thủ tục đưa người bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh đối với người có nơi cư trú nhất định.	

<b>Lĩnh vực Người có công</b>			
200.	T-THA-020777-TT	Cấp lại giấy chứng nhận Gia đình liệt sỹ, giấy chứng nhận Thương binh, Người hưởng chính sách như thương binh, giấy chứng nhận Bệnh binh	Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ.
201.	T-THA-072347-TT	Xác nhận tờ khai cấp Sổ ưu đãi trong giáo dục đào tạo cho người có công với cách mạng và con của họ đối với những trường hợp đang thường trú tại địa phương	
<b>Lĩnh vực Bảo vệ và chăm sóc trẻ em</b>			
202.	T-THA-127835-TT	Chi hỗ trợ trẻ em lang thang, trẻ em bị xâm phạm tình dục và trẻ em phải lao động nặng nhọc trong điều kiện độc hại, nguy hiểm	Quyết định 1395/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/9/2015 của Bộ lao động Thương binh và Xã hội.
<b>Lĩnh vực Lao động, tiền lương, tiền công</b>			
203.	T-THA-024725-TT	Đăng ký đơn giá tiền lương	Thông tư số 18/2013/TT-BLĐTBXH.
204.	T-THA-024760-TT	Đăng ký Quy chế trả lương	Nghị định số 49/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ.
205.	T-THA-024764-TT	Đăng ký thang lương, bảng lương	
206.	T-THA-024769-TT	Đăng ký tiêu chuẩn viên chức chuyên môn nghiệp vụ	Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/1/2015 của Chính phủ.
207.	T-THA-024766-TT	Đăng ký thoả ước lao động tập thể	
208.	T-THA-042593-TT	Đăng ký Thỏa ước lao động tập thể cho doanh nghiệp trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.	Bộ luật Lao động năm 2012
209.	T-THA-104748-TT	Đăng ký Nội quy lao động cho doanh nghiệp trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.	
210.	T-THA-024778-TT	Khai trình việc sử dụng lao động khi doanh nghiệp bắt đầu hoạt động	
211.	T-THA-024691-TT	Báo cáo việc chấm dứt sử dụng lao động khi doanh nghiệp chấm dứt hoạt động	Bộ luật Lao động năm 2012
212.	T-THA-024788-TT	Xác nhận Doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động nữ	

213.	T-THA-024786-TT	Thẩm định Quỹ lương Giám đốc	Thông tư số 19/2013/TT-BLĐTBXH ngày 9/9/2013.
214.	T-THA-042573-TT	Gia hạn giấy phép lao động cho người nước ngoài trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.	Thông tư số 31/2011/TT-BLĐTBXH ngày 03/11/2011
215.	T-THA-042573-TT	Gia hạn giấy phép lao động cho người nước ngoài trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.	Nghị định 102/2013/NĐ-CP ngày 05/9/2013 của Chính phủ.
<b>Lĩnh vực An toàn lao động</b>			
216.	T-THA-022792-TT	Điều tra và lập biên bản điều tra tai nạn lao động chết người và tai nạn lao động nặng( nếu cần thiết)	Nghị định số 45/2013/NĐ-CP ngày 10/5/2013.
217.	T-THA-024493-TT	Đăng ký các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động	Thông tư số 32/2011/TT-BLĐTBXH ngày 14/11/2011
<b>Lĩnh vực việc làm</b>			
218.	T-THA-022899-TT	Cấp giấy phép hoạt động Giới thiệu việc làm cho các doanh nghiệp hoạt động theo Luật doanh nghiệp	Thông tư số 07/2015/TT-BLĐTBXH ngày 25/2/2015.
219.	T-THA-024498-TT	Thành lập trung tâm Giới thiệu việc làm trên địa bàn theo Nghị định 19/2005/CP	
220.	T-THA-104827-TT	Gia hạn giấy phép hoạt động Giới thiệu việc làm cho các doanh nghiệp hoạt động theo Luật doanh nghiệp	
221.	T-THA-024440-TT	Cấp sổ lao động	Quyết định số 1395/QĐ-BLĐTBXH ngày 21/9/2015.
<b>Lĩnh vực lao động nước ngoài</b>			
222.	T-THA-023404-TT	Cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Thông tư số 31/2011/TT-BLĐTBXH ngày 03/11/2011.

223.	T-THA-024511-TT	Tiếp nhận đăng ký hồ sơ cho lao động dự tuyển đi làm việc có thời hạn tại Hàn Quốc	Do đã được chuẩn hóa
<b>Lĩnh vực Dạy nghề</b>			
224.	T-THA-188954-TT	Giải thể trường trung cấp nghề	Nghị định số 43/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ.
<b>Lĩnh vực Bảo hiểm thất nghiệp</b>			
225.	T-THA-278955-TT	Chuyển nơi hưởng chế độ bảo hiểm thất nghiệp	Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31/7/2015
226.	T-THA-278952-TT	Đăng ký hưởng bảo hiểm thất nghiệp theo quy định tại Điều 37 của Nghị định số 127/2008/NĐ-CP.	
<b>Lĩnh vực y tế dự phòng và môi trường</b>			
227.	T-THA-024751-TT	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch y tế đối với hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu.	Quyết định 1387/QĐ-BYT ngày 24/4/2013 của Bộ Y tế
228.	T-THA-024761-TT	Cấp giấy chứng nhận xử lý vệ sinh tàu thủy	
229.	T-THA-024762-TT	Cấp giấy chứng nhận xử lý y tế	
230.	T-THA-024931-TT	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thi hài, tro, hài cốt	
231.	T-THA-024771-TT	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sức khỏe cho người trực tiếp sản xuất, chế biến	Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06/5/2013.
232.	T-THA-078301-TT	Cấp Giấy chứng nhận cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện cấp Giấy phép kinh doanh; các cửa hàng ăn, các căng-tin, nhà hàng ăn uống, bếp ăn tập thể, khách sạn không thuộc tỉnh cấp Giấy chứng nhận; trường phổ thông cơ sở; các lễ hội, hội nghị, các khu du lịch, chợ và bệnh viện do cấp huyện tổ chức và quản lý.	Luật An toàn thực phẩm năm 2010
<b>Lĩnh vực Vệ sinh an toàn thực phẩm và dinh dưỡng</b>			
233.	T-THA-024776-TT	Cấp giấy tiếp nhận hồ sơ đăng ký quảng cáo	Quyết định số 01/QĐ-BVHTTDL ngày 02/1/2014.
234.	T-THA-024767-TT	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm	Luật An toàn thực phẩm

235.	T-THA-024783-TT	Cấp giấy chứng nhận tiêu chuẩn sản phẩm	
236.	T-THA-024789-TT	Cấp giấy chứng nhận tập huấn kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm	
237.	T-THA-024793-TT	Cấp giấy gia hạn chứng nhận tiêu chuẩn sản phẩm	
238.	T-THA-115916-TT	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nguy cơ cao, không thuộc diện phải đăng ký kinh doanh; các hộ gia đình, cá nhân sản xuất thực phẩm bao gói đơn giản, kinh doanh hàng tươi sống, không bao gói; các quán ăn, các quầy bán thực phẩm chế biến sẵn để ăn ngay trong ngày và các chợ, khu du lịch, các lễ hội, hội nghị do xã tổ chức và quản lý; các trường tiểu học, mầm non không thuộc diện quản lý của cấp trên	
<b>Lĩnh vực Giám định y khoa, pháp y, pháp y tâm thần</b>			
239.	T-THA-025022-TT	Biên bản giám định thương tật đối với người bị thương có tỷ lệ thương tật từ 5% đến 20%	Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ
240.	T-THA-025025-TT	Biên bản giám định thương tật đối với thương binh, người hưởng chính sách như thương binh có tỷ lệ thương tật từ 21% trở lên	
241.	T-THA-025091-TT	Biên bản Giám định Pháp Y Tâm thần	Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 09/7/2013 của Chính phủ.
242.	T-THA-025100-TT	Giấy xếp hạng thương tật	Luật Giám định tư pháp năm 2012
243.	T-THA-025103-TT	Giấy xếp hạng thương tật (tai nạn hình sự)	
244.	T-THA-217203-TT	Giám định bệnh nghề nghiệp tái phát	Thông tư số 14/2016/TT-BYT ngày 12/5/2016.
245.	T-THA-217207-TT	Giám định thương tật lần đầu do tai nạn lao động	
246.	T-THA-217202-TT	Giám định lần đầu do bệnh nghề nghiệp	
247.	T-THA-217204-TT	Giám định để thực hiện chế độ hưu trí trước tuổi quy định	
248.	T-THA-217205-TT	Giám định để thực hiện chế độ hưu trí trước tuổi quy định (trường hợp người lao động đang bảo lưu thời gian đóng BHXH)	

249.	T-THA-217206-TT	Giám định mức suy giảm khả năng lao động cho người đang hưởng trợ cấp mất sức lao động hàng tháng theo Nghị định số 60/NĐ-CP ngày 01/3/1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ)	
250.	T-THA-217208-TT	Giám định tai nạn lao động tái phát	
251.	T-THA-217210-TT	Giám định để thực hiện chế độ tử tuất	
252.	T-THA-217209-TT	Giám định mức suy giảm khả năng lao động cho người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học/Dioxin	Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ
253.	T-THA-217211-TT	Giám định bệnh tật cho Người hoạt động kháng chiến có liên quan đến phơi nhiễm với chất độc hóa học/Dioxin	
<b>Lĩnh vực Khám, chữa bệnh</b>			
254.	T-THA-238551-TT	Cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài trong trường hợp chứng chỉ bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị thu hồi	Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ
<b>Lĩnh vực Hành chính tư pháp</b>			
255.	T-THA-115948-TT	Xác nhận sơ yếu lý lịch học sinh, sinh viên	Đã được chuẩn hóa
<b>Lĩnh vực Tổ chức hội, tổ chức phi chính phủ;</b>			
256.	T-THA-030926-TT	Sáp nhập, hợp nhất, chia, tách Hội, tổ chức phi chính phủ thành lập hội, tổ chức phi chính phủ mới.	Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ.
257.	T-THA-030932-TT	Đổi tên Hội, tổ chức phi chính phủ.	
258.	T-THA-030951-TT	Giải thể (tự giải thể) Hội, tổ chức phi chính phủ.	
259.	T-THA-030954-TT	Phê duyệt Điều lệ hội, Điều lệ tổ chức phi chính phủ.	
260.	T-THA-031415-TT	Thành lập tổ chức Hội, Tổ chức phi Chính phủ	
261.	T-THA-031421-TT	Giải thể (bị giải thể) Hội, Tổ chức phi chính phủ.	
<b>Lĩnh vực Cán bộ, công chức, viên chức nhà nước</b>			
262.	T-THA-031696-TT	Chuyển loại viên chức	Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính Phủ
263.	T-THA-031699-TT	Thuyên chuyển công tác đối với viên chức là Giáo sư, Phó Giáo sư, Tiến sỹ và tương đương ra ngoài tỉnh công tác.	

264.	T-THA-031713-TT	Bổ nhiệm viên chức lãnh đạo doanh nghiệp thuộc UBND tỉnh quản lý	
265.	T-THA-031736-TT	Bổ nhiệm lại viên chức lãnh đạo doanh nghiệp thuộc UBND tỉnh quản lý.	
266.	T-THA-031423-TT	Nâng lương viên chức lãnh đạo doanh nghiệp nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh.	
267.	T-THA-031424-TT	Xếp lương viên chức lãnh đạo doanh nghiệp nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh	
268.	T-THA-032125-TT	Tuyển dụng viên chức nhà nước.	
269.	T-THA-032691-TT	Cử viên chức dự thi nâng ngạch lên ngạch tương đương chuyên viên chính, ngạch tương đương chuyên viên cao cấp.	
270.	T-THA-220008-TT	Thủ tục đăng ký thi tuyển công chức.	
271.	T-THA-220009-TT	Thủ tục Tuyển dụng công chức.	
<b>Lĩnh vực Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức nhà nước</b>			
272.	T-THA-031694-TT	Cử viên chức thuộc diện UBND tỉnh quản lý đi học sau đại học	Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính Phủ.
<b>Lĩnh vực Tổ chức hành chính, sự nghiệp nhà nước</b>			
273.	T-THA-031702-TT	Giải thể đơn vị sự nghiệp nhà nước.	Nghị định số 55/2012/NĐ-CP ngày 28/6/2012 của Chính phủ
274.	T-THA-031744-TT	Tổ chức lại đơn vị sự nghiệp nhà nước (trừ các đơn vị sự nghiệp Giáo dục)	
275.	T-THA-031427-TT	Thành lập các đơn vị sự nghiệp nhà nước (trừ các đơn vị sự nghiệp Giáo dục)	
<b>Lĩnh vực Chính quyền địa phương</b>			
276.	T-THA-031701-TT	Chuyển chế độ đối với cán bộ xã nghi việc theo Quyết định số 130/CP và Quyết định số 111/HĐBT đến các nơi khác (cấp tỉnh).	Đã được chuẩn hóa.
<b>Lĩnh vực Thi đua khen thưởng</b>			
277.	T-THA-206878-TT	Giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền cấp tỉnh về thi đua, khen thưởng (đã được sửa đổi, bổ sung tại Điều 82, Điều 83 của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP của Chính phủ).	Luật khiếu nại năm 2011; Luật tố cáo năm 2011

Lĩnh vực Kinh doanh du lịch			
278.	T-THA-039469-TT	Công nhận cơ sở lưu trú du lịch loại đủ tiêu chuẩn kinh doanh lưu trú du lịch	Do đã được chuẩn hóa
Lĩnh vực Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và các cơ sở giáo dục khác			
279.	T-THA-031159-TT	Đăng ký cấp phép, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, kiểm tra và cấp chứng chỉ ngoại ngữ, tin học và các chuyên đề bồi dưỡng cập nhật kiến thức khác theo chương trình GDTX	Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017
280.	T-THA-028799-TT	Thuyên chuyển giáo viên từ tỉnh khác, ngành khác hoặc cơ sở giáo dục khác không trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	Do đã được chuẩn hóa
281.	T-THA-030904-TT	Tuyển dụng viên chức ngạch giáo viên trung học phổ thông	Thông tư số 25/2016/TT-BGDĐT ngày 15/12/2016.
282.	T-THA-031184-TT	Công nhận trường THCS, THPT đạt chuẩn Quốc gia	Thông tư số 47/2012/TT-BGDĐT ngày 7/12/2012.
283.	T-THA-030910-TT	Công nhận trường Mầm non đạt chuẩn Quốc gia	Thông tư 02/2014/TT-BGDĐT ngày 08/2/2014.
284.	T-THA-038173-TT	Công nhận trường Tiểu học đạt chuẩn Quốc gia	Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010.
285.	T-THA-078068-TT	Thành lập Trường Tiểu học tư thực.	
286.	T-THA-078113-TT	Sát nhập, chia tách trường Tiểu học tư thực.	
287.	T-THA-078143-TT	Giải thể trường Tiểu học theo yêu cầu của cá nhân, tổ chức thành lập trường.	
288.	T-THA-194894-TT	Sáp nhập, chia, tách nhà trường, nhà trẻ tư thực (được sửa đổi, bổ sung so với lần công bố trước tại chương II quy chế tổ chức và hoạt động trường mầm non tư thực ban hành kèm theo Quyết định số 41/2008/QĐ/BGDĐT ngày 25/7/2008)	
289.	T-THA-194866-TT	Giải thể nhà trường, nhà trẻ tư thực	Thông tư số 13/2015/TT-BGDĐT ngày 30/6/2015
290.	T-THA-194867-TT	Cho phép hoạt động giáo dục đối với nhà trường, nhà trẻ tư thực.	
291.	T-THA-194893-TT	Thành lập nhà trường, nhà trẻ tư thực. (được sửa đổi, bổ sung so với lần công bố trước tại chương II quy chế tổ chức và hoạt động trường mầm non tư thực ban hành kèm	

		theo Quyết định số 41/2008/QĐ/BGDĐT ngày 25/7/2008)	30/6/2015
292.	T-THA-199557-TT	Thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học (được sửa đổi, bổ sung so với lần công bố trước tại Điều 9, Chương II, Thông tư số 03/2011/TT-BGDĐT ngày 28/01/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).	Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017
293.	T-THA-199558-TT	Sáp nhập, chia, tách trung tâm ngoại ngữ, tin học	
294.	T-THA-199560-TT	Xếp hạng trung tâm giáo dục thường xuyên	
295.	T-THA-203257-TT	Giải thể trường Trung học cơ sở	
296.	T-THA-203258-TT	Cho phép hoạt động giáo dục đối với trường trung học cơ sở	
297.	T-THA-203255-TT	Thành lập trường trung học cơ sở (được sửa đổi so với lần công bố trước tại Điều 11, Chương II Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/03/2011 của Bộ Trưởng bộ Giáo dục và Đào tạo)	
298.	T-THA-203256-TT	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở (được sửa đổi so với lần công bố trước tại Điều 12, Chương II Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/03/2011 của Bộ Trưởng bộ Giáo dục và Đào tạo)	
299.	T-THA-215536-TT	Cấp giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm ngoài nhà trường, cấp trung học phổ thông.	
300.	T-THA-215538-TT	Cấp giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm ngoài nhà trường, cấp trung học phổ thông.	
301.	T-THA-215542-TT	Gia hạn giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường, cấp trung học phổ thông.	
302.	T-THA-215543-TT	Gia hạn giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm ngoài nhà trường, cấp trung học phổ thông.	
303.	T-THA-215544-TT	Cấp giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường, cấp trung học cơ sở.	
304.	T-THA-215546-TT	Cấp giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm ngoài nhà trường, cấp trung học cơ sở.	
305.	T-THA-215548-TT	Gia hạn giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường, cấp trung học cơ sở.	

306.	T-THA-215549-TT	Gia hạn giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm ngoài nhà trường, cấp trung học cơ sở.		
307.	T-THA-127708-TT	Chuyển trường đối với học sinh THCS		
308.	T-THA-127709-TT	Giải thể trường Tiểu học	Thông tư 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010	
309.	T-THA-127715-TT	Đình chỉ hoạt động của Trường Tiểu học		
310.	T-THA-131597-TT	Đăng kí học theo chế độ cử tuyển.	Nghị định số 49/2015/NĐ-CP ngày 15/5/2015 của Chính phủ.	
<b>Lĩnh vực Hệ thống văn bản, chứng chỉ</b>				
311.	T-THA-030864-TT	Cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình lớp 10, lớp 11, lớp 12 ở cấp THPT	Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011	
312.	T-THA-078156-TT	Cấp bản sao văn bằng tốt nghiệp Trung học cơ sở.	Thông tư số 19/2015/TT-BGDĐT ngày 08/9/2015	
313.	T-THA-127702-TT	Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp Trung học cơ sở		
<b>Lĩnh vực Quy chế thi, tuyển sinh</b>				
314.	T-THA-028735-TT	Thủ tục tiếp nhận học sinh người nước ngoài cấp THPT	Do đã được chuẩn hóa	
315.	T-THA-030024-TT	Thủ tục chuyển trường đối với học sinh THPT trong tỉnh		
316.	T-THA-030857-TT	Thủ tục học sinh xin học lại lớp đầu cấp THPT		
317.	T-THA-030858-TT	Đăng ký xét tuyển đại học, cao đẳng.		
318.	T-THA-030859-TT	Thủ tục xin học lại trường khác đối với học sinh THPT.		
319.	T-THA-031232-TT	Thủ tục tiếp nhận học sinh Việt Nam về nước cấp THPT		
320.	T-THA-038223-TT	Cử tuyển vào Đại học, Cao đẳng		
321.	T-THA-039533-TT	Thủ tục chuyển trường ra tỉnh ngoài, từ tỉnh ngoài về đối với học sinh THPT		
322.	T-THA-038238-TT	Cử tuyển vào phổ thông dân tộc nội trú		Thông tư số 01/2016/TT-BGDĐT ngày 15/01/2016
323.	T-THA-132553-TT	Tuyển sinh vào trường nội trú huyện		

<b>Lĩnh vực Tiêu chuẩn nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục</b>			
324.	T-THA-055679-TT	Xét tặng danh hiệu Nhà giáo Nhân dân, Nhà giáo Ưu tú	Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ.
<b>Lĩnh vực Đường thủy nội địa</b>			
325.	T-THA-116237-TT	Xác nhận đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động bến khách ngang sông	Thông tư số 25/2010/TT-BGTVT ngày 31/8/2010.
<b>Lĩnh vực Hàng hải</b>			
326.	T-THA-031264-TT	Cấp lại Sổ thuyền viên	Thông tư số 07/2012/TT-BGTVT ngày 21/3/2012.
<b>Lĩnh vực Thủy lợi</b>			
327.	T-THA-061241-TT	Phê duyệt điều chỉnh tổng mức đầu tư xây dựng công trình thủy lợi	Luật Xây dựng năm 2015
328.	T-THA-061338-TT	Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình thủy lợi	
329.	T-THA-061072-TT	Phê duyệt Báo cáo kinh tế, kỹ thuật dự án thủy lợi.	
330.	T-THA-061342-TT	Thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư dự án đầu tư xây dựng công trình thủy lợi, đề điều nhóm C	
331.	T-THA-102671-TT	Thẩm định thiết kế cơ sở công trình thủy lợi, nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn.	Nghị định 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ
332.	T-THA-102698-TT	Hỗ trợ xây dựng kiên cố hoá kênh mương nội đồng.	
333.	T-THA-102681-TT	Cấp bù thủy lợi phí.	Nghị định 115/2008/NĐ-CP ngày 14/11/2008 của Chính phủ.
334.	T-THA-102705-TT	Cấp bù thủy lợi phí không thuộc hệ thống thủy nông.	
<b>Lĩnh vực Lâm nghiệp</b>			
335.	T-THA-034135-TT	Thẩm định và phê duyệt thiết kế tỉa thưa nuôi dưỡng rừng trồng.	Do đã được chuẩn hóa.
336.	T-THA-034486-TT	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ thiết kế bảo vệ rừng.	

337.	T-THA-034200-TT	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ thiết kế khai thác nhựa thông.	
338.	T-THA-035043-TT	Văn bản góp ý xây dựng cơ sở hạ tầng công trình lâm sinh.	
339.	T-THA-132580-TT	Thủ tục kiểm tra việc khai thác lâm sản.	
340.	T-THA-053125-TT	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ thiết kế dự toán các công trình lâm sinh (đối với công trình có phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật)	Thông tư 176/2011/TT-BTC ngày 06/12/2011 của Bộ Tài chính
341.	T-THA-107432-TT	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ thiết kế khoanh nuôi tái sinh rừng.	Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016
342.	T-THA-175530-TT	Cấp chứng chỉ công nhận giống cây đầu dòng hoặc vườn cung cấp hom (được sửa đổi theo quy định tại Khoản 4 Điều 6 Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT).	Thông tư số 180/2011/TT-BTC ngày 14/12/2011 của Bộ Tài chính
343.	T-THA-175532-TT	Cấp Chứng chỉ công nhận nguồn giống cây mẹ (được sửa đổi theo quy định tại Khoản 4 Điều 6 Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT).	
344.	T-THA-175533-TT	Cấp chứng chỉ công nhận lâm phần tuyển chọn.	
345.	T-THA-175534-TT	Cấp chứng chỉ công nhận rừng giống trồng.	
346.	T-THA-175535-TT	Cấp chứng chỉ công nhận rừng giống chuyên hoá.	
347.	T-THA-175538-TT	Cấp giấy chứng nhận, nguồn gốc, giống của lô cây con.	
348.	T-THA-175540-TT	Cấp Giấy chứng nhận nguồn gốc lô giống cây trồng lâm nghiệp.	
349.	T-THA-133670-TT	Hỗ trợ đầu tư vườn ươm giống lâm nghiệp	
350.	T-THA-263881-TT	Hỗ trợ đầu tư trồng rừng đối với hộ gia đình (hỗ trợ trước)	Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ.
351.	T-THA-263880-TT	Hỗ trợ trồng rừng sau đầu tư (đối với hộ gia đình).	
<b>Lĩnh vực Nông nghiệp</b>			
352.	T-THA-034219-TT	Công bố chất lượng thức ăn chăn nuôi và nguyên liệu thức ăn chăn nuôi	Do đã được chuẩn hóa

353.	T-THA-034545-TT	Thẩm định quy trình, quy phạm kỹ thuật chăn nuôi (đại gia súc, tiểu gia súc, gia cầm)	
354.	T-THA-034549-TT	Thẩm định tiêu chuẩn chất lượng thức ăn chăn nuôi	
355.	T-THA-034179-TT	Công bố chất lượng các chế phẩm sinh học phục vụ chăn nuôi	
356.	T-THA-034558-TT	Tiếp nhận hồ sơ xây dựng trang trại chăn nuôi tập trung theo Quyết định 4101/2005/QĐ-UBND, ngày 30/12/2005 của UBND tỉnh Thanh Hoá	
357.	T-THA-034197-TT	Công bố chất lượng tiêu chuẩn giống vật nuôi	
358.	T-THA-034524-TT	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi	
359.	T-THA-034536-TT	Công bố tiêu chuẩn chất lượng chất bảo quản sử dụng trong thức ăn chăn nuôi.	
360.	T-THA-034540-TT	Thẩm định điều kiện cơ sở sản xuất, chế biến thức ăn chăn nuôi công nghiệp	
361.	T-THA-034543-TT	Thẩm định điều kiện sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi	
362.	T-THA-051363-TT	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề xông hơi khử trùng, bảo quản nội địa.	Nghị định số 116/2014/NĐ-CP ngày 4/12/2014 của Chính phủ.
363.	T-THA-051379-TT	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nhập khẩu đối với hàng không phải là giống cây trồng và sinh vật có ích.	
364.	T-THA-051388-TT	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề xông hơi khử trùng, bảo quản nội địa.	
365.	T-THA-051390-TT	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nội địa	
366.	T-THA-051455-TT	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật xuất khẩu	
367.	T-THA-051436-TT	Đổi Thẻ xông hơi khử trùng, bảo quản nội địa.	
368.	T-THA-051439-TT	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật quá cảnh.	
369.	T-THA-051456-TT	Cấp chứng chỉ hành nghề xông hơi khử trùng, bảo quản nội địa.	
370.	T-THA-051460-TT	Gia hạn giấy chứng chỉ hành nghề xông hơi khử trùng, bảo quản nội địa.	
371.	T-THA-051468-TT	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nhập khẩu đối với giống cây trồng và sinh vật có ích.	

372.	T-THA-051478-TT	Cấp Thẻ xông hơi khử trùng, bảo quản nội địa.	
373.	T-THA-051558-TT	Cấp Giấy chứng nhận đã tham gia lớp tập huấn về hoạt động xông hơi khử trùng, bảo quản nội địa.	
374.	T-THA-061350-TT	Tiếp nhận công bố tiêu chuẩn, chất lượng giống cây trồng	Do đã được chuẩn hóa
375.	T-THA-061384-TT	Thẩm định điều kiện sản xuất, kinh doanh giống cây trồng	
376.	T-THA-061392-TT	Thẩm định quy trình, quy phạm kỹ thuật sản xuất giống cây trồng	
377.	T-THA-061395-TT	Thông báo tiếp nhận bán công bố sản phẩm rau, quả, chè an toàn	
378.	T-THA-061387-TT	Thẩm định tiêu chuẩn chất lượng sản xuất phân bón theo công bố	Nghị định 202/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ.
379.	T-THA-061370-TT	Công bố chất lượng phân bón và nguyên liệu phân bón	
380.	T-THA-133320-TT	Kiểm dịch động vật vận chuyển trong tỉnh.	Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ
381.	T-THA-133357-TT	Kiểm dịch sản phẩm động vật vận chuyển trong tỉnh.	
382.	T-THA-175521-TT	Đăng ký và chỉ định tổ chức chứng nhận VietGAP cho sản phẩm trồng trọt (được sửa đổi theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 17/2011/TT-BNNPTNT).	Thông tư số 48/2012/TT-BNNPTNT ngày 26/9/2012.
383.	T-THA-224504-TT	Đăng ký lại xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm trong trường hợp có thay đổi về nội dung quảng cáo hoặc Giấy xác nhận hết thời hạn hiệu lực	Nghị định 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013.
384.	T-THA-224505-TT	Cấp lại Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm trong trường hợp bị mất, thất lạc hoặc bị hư hỏng	
385.	T-THA-133579-TT	Cấp chứng chỉ chất lượng giống đối với lợn đực giống sử dụng để phối giống trực tiếp nuôi tại hộ gia đình	Do đã được chuẩn hóa.
386.	T-THA-133660-TT	Cấp chứng chỉ chất lượng giống đối với bò đực giống sử dụng để phối giống trực tiếp nuôi tại cơ sở chăn nuôi	
<b>Lĩnh vực Phát triển nông thôn</b>			
387.	T-THA-035316-TT	Thẩm định, phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật của các dự án chế biến nông lâm sản và ngành nghề nông thôn.	Do đã được chuẩn hóa

388.	T-THA-035379-TT	Hợp đồng cung cấp nước sạch cho tổ chức, cá nhân, hộ gia đình nông thôn nơi có nhà máy cung cấp nước sạch.	
389.	T-THA-060989-TT	Quy trình di dân ngoài tỉnh.	
390.	T-THA-061045-TT	Quy trình di dân trong tỉnh.	
391.	T-THA-035320-TT	Đăng ký chứng nhận hàng nông lâm sản Việt Nam chất lượng cao và uy tín thương mại.	Nghị định số 59/2016/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ.
392.	T-THA-035345-TT	Thẩm định thiết kế bản vẽ thi công - Dự toán trong Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng về nuôi trồng thủy sản, thủy lợi, đề điều, lâm nghiệp sử dụng vốn ngân sách nhà nước có tổng mức đầu tư từ 500 triệu đồng trở lên (công trình do Sở làm chủ đầu tư)	
393.	T-THA-035363-TT	Tham gia thẩm định thiết kế cơ sở đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình nuôi trồng thủy sản, thủy lợi, đề điều nhóm B, C.	
<b>Lĩnh vực Phát thanh và truyền hình</b>			
394.	T-THA-034575-TT	Thẩm định hồ sơ đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông cấp giấy phép hoạt động truyền hình cáp	Do đã được chuẩn hóa
<b>Lĩnh vực Xuất bản</b>			
395.	T-THA-034675-TT	Cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh	Luật xuất bản 2012
<b>Lĩnh vực Cơ sở hạ tầng thông tin và truyền thông quốc gia</b>			
396.	T-THA-035240-TT	Thẩm tra dự án đầu tư cung ứng dịch vụ chuyển phát và cung ứng dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng có quy mô vốn từ 300 (ba trăm) tỷ đồng trở lên trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá	Nghị định 25/2011/NĐ-CP ngày 06/4/2011 của Chính phủ.
397.		Thẩm định thiết kế sơ bộ dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước (đối với những dự án do UBND cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư).	
398.		Thẩm định thiết kế thi công và tổng dự toán dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước (đối với dự án do UBND cấp xã quyết định đầu tư theo thẩm quyền được Ủy ban nhân dân cấp trên giao).	
<b>Lĩnh vực Đầu tư trong nước, đầu tư của nước ngoài và đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài (thuộc thẩm quyền giải quyết của BQL KKT Nghi Sơn)</b>			
399.	T-THA-042234-TT	Đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư trong nước không đề nghị cấp Giấy chứng nhận	Nghị định 118/2015/NĐ-

		đầu tư (Đối với trường hợp dưới 15 tỷ) trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.	CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ.
400.	T-THA-042305-TT	Đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư trong nước có đề nghị cấp Giấy chứng nhận đầu tư (Các dự án đầu tư trong nước có quy mô vốn đầu tư từ 15 tỷ đồng Việt Nam đến dưới 300 tỷ đồng Việt Nam không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện) trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.	
401.	T-THA-042308-TT	Đăng ký đầu tư đối với dự án có vốn đầu tư nước ngoài trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.	
402.	T-THA-042315-TT	Cấp Giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án đầu tư có quy mô từ 300 tỷ đồng trở lên và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện thuộc diện thẩm tra (Dự án đầu tư có quy mô vốn đầu tư từ 300 tỷ đồng Việt Nam trở lên và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện) trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.	
403.	T-THA-042322-TT	Cấp Giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án đầu tư có quy mô dưới 300 tỷ đồng và thuộc lĩnh vực có điều kiện thuộc diện thẩm tra trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.	
404.	T-THA-042331-TT	Cấp Giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án đầu tư có quy mô từ 300 tỷ đồng trở lên và thuộc lĩnh vực có điều kiện thuộc diện thẩm tra trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.	
405.	T-THA-042334-TT	Cấp Giấy chứng nhận đầu tư cho dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá thuộc diện thẩm tra.	
406.	T-THA-042341-TT	Thành lập chi nhánh gắn với cấp Giấy chứng nhận đầu tư trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.	
407.	T-THA-042354-TT	Đăng ký điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.	

408.	T-THA-042366-TT	Đăng ký điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư thuộc diện thẩm định trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá
409.	T-THA-042372-TT	Tạm ngừng thực hiện dự án đầu tư trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.
410.	T-THA-042376-TT	Giãn tiến độ thực hiện dự án trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.
411.	T-THA-042379-TT	Chuyển nhượng dự án đầu tư trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.
412.	T-THA-042385-TT	Chấm dứt hoạt động dự án đầu tư trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.
413.	T-THA-042390-TT	Thanh lý dự án đầu tư trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.
414.	T-THA-071548-TT	Đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư trong nước có đề nghị cấp Giấy chứng nhận đầu tư (Các dự án đầu tư trong nước có quy mô vốn đầu tư từ 15 tỷ đồng Việt Nam đến dưới 300 tỷ đồng Việt Nam không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện) gắn với việc đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp tư nhân trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.
415.	T-THA-071549-TT	Đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư trong nước có đề nghị cấp Giấy chứng nhận đầu tư (Các dự án đầu tư trong nước có quy mô vốn đầu tư từ 15 tỷ đồng Việt Nam đến dưới 300 tỷ đồng Việt Nam không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện) gắn với việc đăng ký kinh doanh của Công ty TNHH một thành viên mà chủ sở hữu là cá nhân trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.
416.	T-THA-072242-TT	Đăng ký điều chỉnh nội dung đăng ký kinh doanh trong Giấy chứng nhận đầu tư gắn với việc đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh của Công ty cổ phần trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.

417.	T-THA-072243-TT	Đăng ký điều chỉnh nội dung đăng ký kinh doanh trong Giấy chứng nhận đầu tư gắn với việc đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh của Công ty hợp doanh trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.
418.	T-THA-072211-TT	Đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư trong nước có đề nghị cấp Giấy chứng nhận đầu tư (Các dự án đầu tư trong nước có quy mô vốn đầu tư từ 15 tỷ đồng Việt Nam đến dưới 300 tỷ đồng Việt Nam không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện) gắn với việc đăng ký kinh doanh của Công ty TNHH một thành viên mà chủ sở hữu là một tổ chức trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.
419.	T-THA-072219-TT	Đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư trong nước có đề nghị cấp Giấy chứng nhận đầu tư (Các dự án đầu tư trong nước có quy mô vốn đầu tư từ 15 tỷ đồng Việt Nam đến dưới 300 tỷ đồng Việt Nam không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện) gắn với việc đăng ký kinh doanh của Công ty TNHH 2 thành viên trở lên trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá
420.	T-THA-072224-TT	Đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư trong nước có đề nghị cấp Giấy chứng nhận đầu tư (Các dự án đầu tư trong nước có quy mô vốn đầu tư từ 15 tỷ đồng Việt Nam đến dưới 300 tỷ đồng Việt Nam không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện) gắn với việc đăng ký kinh doanh của công ty cổ phần trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.
421.	T-THA-072229-TT	Đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư trong nước có đề nghị cấp Giấy chứng nhận đầu tư (Các dự án đầu tư trong nước có quy mô vốn đầu tư từ 15 tỷ đồng Việt Nam đến dưới 300 tỷ đồng Việt Nam không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện) gắn với việc đăng ký kinh doanh của công ty hợp danh trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.
422.	T-THA-072232-TT	Đăng ký điều chỉnh nội dung đăng ký kinh doanh trong Giấy chứng nhận đầu tư gắn với việc đăng ký thay đổi nội dung đăng ký

		kinh doanh của doanh nghiệp tư nhân trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.	
423.	T-THA-072235-TT	Đăng ký điều chỉnh nội dung đăng ký kinh doanh trong Giấy chứng nhận đầu tư gắn với việc đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh của Công ty TNHH một thành viên trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.	
424.	T-THA-072239-TT	Đăng ký điều chỉnh nội dung đăng ký kinh doanh trong Giấy chứng nhận đầu tư gắn với việc đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh của công ty TNHH 2 thành viên trở lên trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.	
425.	T-THA-248189-TT	Thủ tục thực hiện chính sách hỗ trợ đối với các dự án đầu tư vào Khu công nghiệp số 3, 4, 5 thuộc Khu kinh tế Nghi Sơn	
426.	T-THA-042398-TT	Đăng ký lại của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định của Luật doanh nghiệp và Luật đầu tư trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.	Nghị định 194/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ.
427.	T-THA-042407-TT	Chuyển đổi doanh nghiệp liên doanh và doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài có từ hai chủ sở hữu trở lên thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.	
428.	T-THA-042427-TT	Đăng ký lại doanh nghiệp trong trường hợp có cam kết chuyển giao không bồi hoàn trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.	
429.	T-THA-042435-TT	Chuyển đổi doanh nghiệp trong trường hợp có cam kết chuyển giao không bồi hoàn trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp khác trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.	
430.	T-THA-072251-TT	Đăng ký đổi Giấy chứng nhận đầu tư của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định của Luật doanh nghiệp và Luật đầu tư trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.	

431.	T-THA-072252-TT	Chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài do một tổ chức hoặc cá nhân nước ngoài đầu tư thành Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.	
432.	T-THA-072253-TT	Chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài là công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần và ngược lại trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.	
<b>Lĩnh vực Thành lập và phát triển doanh nghiệp</b>			
433.	T-THA-042401-TT	Đăng ký kinh doanh đối với công ty TNHH hai thành viên trở lên trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.	Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ.
434.	T-THA-042410-TT	Đăng ký kinh doanh đối với công ty cổ phần trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.	
435.	T-THA-042419-TT	Đăng ký kinh doanh đối với công ty hợp danh trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.	
436.	T-THA-042337-TT	Thay đổi nội dung đăng ký của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.	
437.	T-THA-042649-TT	Đăng ký kinh doanh đối với trường hợp chuyển đổi công ty cổ phần hoặc công ty TNHH 02 thành viên trở lên thành công ty TNHH một thành viên trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.	
438.	T-THA-042371-TT	Đăng ký lập chi nhánh, văn phòng đại diện trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.	
439.	T-THA-042380-TT	Đăng ký kinh doanh đối với Doanh nghiệp tư nhân trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.	
440.	T-THA-042687-TT	Đăng ký kinh doanh đối với chuyển đổi công ty TNHH thành công ty cổ phần trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.	

441.	T-THA-042548-TT	Đăng ký kinh doanh đối với công ty TNHH một thành viên đối với chủ sở hữu là cá nhân trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.
442.	T-THA-042554-TT	Đăng ký kinh doanh đối với công ty TNHH một thành viên đối với chủ sở hữu là tổ chức trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.
443.	T-THA-042723-TT	Đăng ký kinh doanh đối với chuyển đổi Doanh nghiệp tư nhân thành công ty TNHH trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.
444.	T-THA-042562-TT	Đăng ký kinh doanh đối với trường hợp chia công ty TNHH thành một số công ty cùng loại trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.
445.	T-THA-042739-TT	Đăng ký kinh doanh đối với trường hợp hợp nhất một số công ty TNHH thành một công ty mới trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.
446.	T-THA-042583-TT	Đăng ký kinh doanh đối với trường hợp chia công ty cổ phần thành một số công ty cùng loại trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.
447.	T-THA-042779-TT	Đăng ký kinh doanh đối với trường hợp hợp nhất một số công ty cổ phần thành một công ty mới trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.
448.	T-THA-042608-TT	Đăng ký kinh doanh đối với trường hợp công ty cổ phần chuyển đổi thành công ty TNHH trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.
449.	T-THA-042806-TT	Đăng ký kinh doanh đối với trường hợp sáp nhập một hoặc một số công ty TNHH vào một công ty TNHH khác trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.
450.	T-THA-042629-TT	Đăng ký kinh doanh đối với trường hợp chuyển đổi công ty TNHH một thành viên thành công ty TNHH hai thành viên trở lên trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.

451.	T-THA-042842-TT	Đăng ký kinh doanh đối với trường hợp sáp nhập một hoặc một số công ty cổ phần vào một công ty cổ phần khác trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.
452.	T-THA-042861-TT	Đăng ký kinh doanh đối với trường hợp tách công ty TNHH thành một số công ty mới cùng loại trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.
453.	T-THA-042891-TT	Đăng ký kinh doanh đối với trường hợp tách công ty cổ phần thành một hoặc một số công ty mới cùng loại trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.
454.	T-THA-043685-TT	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh theo quyết định của toà án trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.
455.	T-THA-043874-TT	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh của công ty TNHH 2 thành viên trở lên trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.
456.	T-THA-043884-TT	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh của công ty cổ phần trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.
457.	T-THA-043902-TT	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh của công ty hợp danh trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.
458.	T-THA-043911-TT	Đăng ký lập địa điểm kinh doanh trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.
459.	T-THA-043850-TT	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh của Doanh nghiệp tư nhân trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.
460.	T-THA-043861-TT	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh của công ty TNHH một thành viên trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.
461.	T-THA-043927-TT	Đăng ký tạm ngừng hoạt động của doanh nghiệp trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các

		Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.	
462.	T-THA-043952-TT	Đăng ký giải thể chi nhánh trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.	
463.	T-THA-043966-TT	Đăng ký giải thể doanh nghiệp trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.	
464.	T-THA-043978-TT	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong trường hợp bị mất trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.	
465.	T-THA-047943-TT	Đăng ký thay đổi tên đối với Doanh nghiệp tư nhân	
<b>Lĩnh vực Đăng ký và thành lập hộ kinh doanh</b>			
466.	T-THA-078482-TT	Cấp Giấy xác nhận tạm dừng kinh doanh đối với hộ kinh doanh.	Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ.
<b>Lĩnh vực Đấu thầu</b>			
467.	T-THA-078441-TT	Thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời thầu đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch UBND cấp huyện.	Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009
468.	T-THA-078466-TT	Thẩm định, phê duyệt kết quả đấu thầu đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch UBND cấp huyện.	
469.	T-THA-078424-TT	Thẩm định, phê duyệt kế hoạch đấu thầu đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch UBND cấp huyện.	
<b>Lĩnh vực Khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã</b>			
470.	T-THA-116122-TT	Xác nhận đơn đề nghị hỗ trợ Tổ Hợp tác	Luật Hợp tác xã năm 2013.
471.	T-THA-116173-TT	Xác nhận đơn đề nghị hỗ trợ thành lập Hợp tác xã (về tư vấn kiến thức về hợp tác xã, tư vấn xây dựng Điều lệ hợp tác xã, hoàn thiện các thủ tục để thành lập, đăng ký kinh doanh và tổ chức hoạt động của hợp tác xã)	
472.	T-THA-116198-TT	Chứng thực hợp đồng hợp tác (thành lập Tổ hợp tác)	
<b>Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước và xuất khẩu, nhập khẩu</b>			
473.	T-THA-046755-TT	Hỗ trợ kinh phí khuyến khích thu hút lao động	Quyết định số

474.	T-THA-046681-TT	Hỗ trợ kinh phí đào tạo nghề	
475.	T-THA-046734-TT	Hỗ trợ kinh phí ưu đãi đầu tư	
476.	T-THA-046659-TT	Cấp Giấy xác nhận đăng ký thực hiện chương trình khuyến mại (đối với hình thức khuyến mại mang tính may rủi)	Do đã được chuẩn hóa
477.	T-THA-046413-TT	Cấp giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.	
478.	T-THA-196584-TT	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp khí dầu mỏ hoá lỏng vào chai.	- Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ;
479.	T-THA-196585-TT	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp khí dầu mỏ hoá lỏng vào ô tô	
480.	T-THA-196586-TT	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm cấp khí dầu mỏ hoá lỏng.	- Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ.
481.	T-THA-217967-TT	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xăng dầu đối với cửa hàng bán lẻ xăng dầu.	
482.	T-THA-217969-TT	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hoá lỏng cho cửa hàng bán LPG chai	
483.	T-THA-217968-TT	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hoá lỏng cho cửa hàng bán LPG chai (được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 8, Điều 2 Nghị định 118/2011/NĐ-CP ngày 16/12/2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu và khí dầu mỏ hoá lỏng).	
484.	T-THA-231269-TT	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.	Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014.
485.	T-THA-231270-TT	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	
486.	T-THA-231271-TT	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (đối với trường hợp Giấy phép hết thời hạn hiệu lực)	
487.	T-THA-231272-TT	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (đối với trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách nát hoặc bị cháy)	
488.	T-THA-231265-TT	Cấp Giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho các doanh nghiệp có	

489.	T-THA-231266-TT	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho các doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại rượu	
490.	T-THA-231267-TT	Cấp lại Giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho các doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại rượu (đối với trường hợp Giấy xác nhận đăng ký hết thời hạn hiệu lực)	
491.	T-THA-231268-TT	Cấp lại Giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho các doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại rượu (đối với trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách nát hoặc bị cháy)	
492.	T-THA-235572-TT	Cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu	
493.	T-THA-235573-TT	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu	
494.	T-THA-235574-TT	Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu (đối với trường hợp Giấy phép hết thời hạn hiệu lực)	
495.	T-THA-235575-TT	Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu (đối với trường hợp Giấy phép bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy)	
496.	T-THA-263866-TT	Thẩm tra thiết kế xây dựng công trình công nghiệp: Đường dây tải điện, nhà máy thủy điện, nhà máy nhiệt điện, nhà máy luyện kim, nhà máy sản xuất Alumin cấp II và cấp III (trừ các dự án đầu tư xây dựng do Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định đầu tư); nhà máy lọc hóa dầu, chế biến khí, các công trình nhà kho và tuyến đường ống dẫn xăng, dầu, khí hóa lỏng, nhà máy sản xuất và kho chứa hóa chất nguy hiểm, nhà máy sản xuất và kho chứa vật liệu nổ công nghiệp cấp II, cấp III và cấp IV (trừ các dự án đầu tư xây dựng do Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định đầu tư)	Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 15/5/2015 của Chính phủ.
497.	T-THA-103527-TT	Phê duyệt Nội quy chợ của các chợ loại 2 và 3	Do đã được chuẩn hóa
498.	T-THA-047066-TT	Cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn (hoặc đại lý bán buôn) sản phẩm thuốc lá	Nghị định số 67/2013/NĐ-

499.	T-THA-217950-TT	Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán buôn (hoặc đại lý bán buôn) sản phẩm thuốc lá (đối với trường hợp Giấy phép hết thời hạn hiệu lực).	
500.	T-THA-217951-TT	Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán buôn (hoặc đại lý bán buôn) sản phẩm thuốc lá (đối với trường hợp Giấy phép bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy)	
501.	T-THA-217952-TT	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nguyên liệu thuốc lá (đối với trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy).	
502.	T-THA-217954-TT	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nguyên liệu thuốc lá (đối với trường hợp hết thời hạn hiệu lực).	
503.	T-THA-217965-TT	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nguyên liệu thuốc lá.	
504.	T-THA-217964-TT	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy phép kinh doanh bán buôn (hoặc đại lý bán buôn) sản phẩm thuốc lá.	
505.	T-THA-217966-TT	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nguyên liệu thuốc lá.	
506.	T-THA-217963-TT	Cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn (hoặc đại lý bán buôn) sản phẩm thuốc lá.	
507.	T-THA-225726-TT	Cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ (hoặc đại lý bán lẻ) sản phẩm thuốc lá	
508.	T-THA-225727-TT	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy phép kinh doanh bán lẻ (hoặc đại lý bán lẻ) sản phẩm thuốc lá.	
509.	T-THA-225728-TT	Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ (hoặc đại lý bán lẻ) sản phẩm thuốc lá (đối với trường hợp Giấy phép hết thời hạn hiệu lực)	
510.	T-THA-225729-TT	Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ (hoặc đại lý bán lẻ) sản phẩm thuốc lá (đối với trường hợp Giấy phép bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy).	
511.	T-THA-047066-TT	Cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn (hoặc đại lý bán buôn) sản phẩm thuốc lá	
<b>Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng</b>			
512.	T-THA-227988-TT	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Công Thương	Thông tư số 58/2014/TT-BCT ngày

513.	T-THA-227989-TT	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Công Thương (đối với trường hợp Giấy chứng nhận hết hạn)	
<b>Lĩnh vực Thương mại quốc tế</b>			
514.	T-THA-046285-TT	Báo cáo hoạt động Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.	Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ
515.	T-THA-046384-TT	Chấm dứt hoạt động của văn phòng đại diện khi hết thời hạn hoạt động Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện mà không được cơ quan cấp Giấy phép gia hạn; hoặc bị thu hồi Giấy phép thành lập văn phòng đại diện	
516.	T-THA-046390-TT	Chấm dứt hoạt động của văn phòng đại diện khi bị thu hồi Giấy phép thành lập văn phòng đại diện	
517.	T-THA-046397-TT	Chấm dứt hoạt động của văn phòng đại diện theo đề nghị của thương nhân nước ngoài; hoặc khi thương nhân nước ngoài chấm dứt hoạt động theo pháp luật của nước nơi thương nhân đó thành lập hoặc đăng ký kinh doanh; hoặc hết thời hạn hoạt động theo Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện mà thương nhân nước ngoài không đề nghị gia hạn.	
518.	T-THA-046410-TT	Thông báo dự kiến chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.	
519.	T-THA-046432-TT	Xác nhận thông báo hoạt động của văn phòng đại diện	
520.	T-THA-042460-TT	Cấp mới Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp khác trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	
521.	T-THA-042493-TT	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện cho thương nhân nước ngoài trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp khác trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.	
522.	T-THA-042496-TT	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện cho thương nhân nước ngoài trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp khác trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.	
523.	T-THA-104742-TT	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp khác trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.	

<b>Lĩnh vực An toàn thực phẩm</b>			
524.	T-THA-227990-TT	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương (đối với trường hợp bị mất, thất lạc hoặc bị hỏng)	Do đã được chuẩn hóa
<b>Lĩnh vực Di sản văn hóa</b>			
525.	T-THA-039609-TT	Cấp Giấy phép Thành lập Bảo tàng tư nhân	Thông tư số 18/2010/TT-BVHTTDL ngày 31/10/2010.
526.	T-THA-051990-TT	Thẩm định, thỏa thuận hồ sơ tu sửa cấp thiết di tích (đối với di tích cấp quốc gia và di tích cấp tỉnh đặc biệt tiêu biểu)	Thông tư số 18/2012/TT-BVHTTDL ngày 28/12/2012.
527.	T-THA-051707-TT	Thẩm định, thỏa thuận dự án, thiết kế kỹ thuật thi công trùng tu, tôn tạo di tích, danh thắng cấp tỉnh.	
528.	T-THA-027514-TT	Cấp giấy phép khai quật khẩn cấp	Do đã được chuẩn hóa
529.	T-THA-179665-TT	Đề nghị công nhận bảo vật quốc gia (đối với bảo tàng cấp tỉnh, ban hoặc trung tâm quản lý di tích, bảo tàng ngoài công lập, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc đang quản lý hợp pháp hiện vật).	
530.	T-THA-179666-TT	Đề nghị xếp hạng bảo tàng	
531.	T-THA-179667-TT	Cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia (đối với chủ cửa hàng)	
532.	T-THA-179669-TT	Cấp giấy chứng nhận đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	
533.	T-THA-179671-TT	Cấp giấy phép nghiên cứu, sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể (đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài)	
534.	T-THA-179674-TT	Đề nghị xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh (được sửa đổi, bổ sung so với lần công bố trước theo quy định tại Thông tư số 09/2011/TT-BVHTTDL ngày 14/7/2011 Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	
535.	T-THA-198739-TT	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động giám định cổ vật	
536.	T-THA-198740-TT	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động giám định cổ vật trong trường hợp bị	

		mất hoặc bị hỏng (rách, bẩn, phai mờ) không sử dụng được; bị lỗi do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã cấp gây ra; có sự thay đổi các thông tin đã được ghi nhận trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động giám định cổ vật đã được cấp	
<b>Lĩnh vực Thể dục thể thao</b>			
537.	T-THA-049492-TT	Cấp giấy phép thành lập và hoạt động đối với các cơ sở TDTT ngoài công lập.	Do đã được chuẩn hóa.
538.	T-THA-174502-TT	Công nhận ban vận động thành lập hội, liên đoàn, hiệp hội thể dục thể thao có phạm vi hoạt động trong tỉnh.	
539.	T-THA-050494-TT	Cấp giấy phép thành lập Hội thể thao.	Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ.
<b>Lĩnh vực Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm</b>			
540.	T-THA-242021-TT	Cấp giấy phép nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh của cá nhân, tổ chức ở địa phương (Bao gồm: Văn hóa phẩm để phục vụ công việc của cá nhân, tổ chức tại địa phương; Văn hóa phẩm là quà biếu, tặng có giá trị vượt quá tiêu chuẩn miễn thuế theo quy định của pháp luật; Văn hóa phẩm để tham gia triển lãm, tham dự các cuộc thi, liên hoan; lưu hành, phổ biến tại địa phương; Di vật, cổ vật của cá nhân, tổ chức tại địa phương; Văn hóa phẩm do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ủy quyền cấp giấy phép)	Do chuẩn hóa
<b>Lĩnh vực Văn hóa cơ sở</b>			
541.	T-THA-102296-TT	Cấp Giấy công nhận làng văn hóa.	Thông tư 12/2011/TT-BVHTTDL ngày 10/10/2011.
<b>Lĩnh vực Quản lý ngân sách nhà nước</b>			
542.	T-THA-042370-TT	Thẩm tra hồ sơ, thủ tục đầu tư đối với các dự án thực hiện đề án kiên cố hoá trường lớp học và nhà công vụ giáo viên giai đoạn 2008-2012 theo uỷ quyền của Bộ Tài chính	Thông tư số 234/2012/TT-BTC ngày 28/12/2012 của Bộ Tài chính.

543.	T-THA-212703-TT	Thẩm định kế hoạch đấu thầu mua sắm tài sản nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân (được thay thế theo quy định tại Điều 37 Thông tư số 68/2012/TT-BTC ngày 26/4/2012 của Bộ Tài chính).	Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ.
<b>Lĩnh vực Đầu tư phát triển và phân bổ ngân sách nhà nước</b>			
544.	T-THA-078364-TT	Thẩm định, phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình xây dựng đối với dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch UBND cấp huyện.	Luật Xây dựng năm 2014
545.	T-THA-078400-TT	Thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình đối với dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch UBND cấp huyện.	
<b>Lĩnh vực Công tác lãnh sự</b>			
546.	T-THA-173471-TT	Xin cấp thị thực cho khách công vụ nước ngoài	Luật nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam năm 2014.
547.	T-THA-173472-TT	Thẩm định trình UBND tỉnh Thanh Hoá phê duyệt xin tiếp nhận chuyên gia, tình nguyện viên của tổ chức phi chính phủ nước ngoài	
548.	T-THA-173473-TT	Thẩm tra trình UBND tỉnh cho phép sử dụng thẻ ABTC (thẻ doanh nhân APEC)	Thông tư số 28/2016/TT-BCA ngày 05/7/2016.
549.	T-THA-173474-TT	Thẩm tra trình UBND tỉnh cho phép cán bộ, công chức đi công tác nước ngoài	Thông tư số 02/2013/TT-BNG ngày 25/6/2013.
550.	T-THA-173475-TT	Thẩm tra trình UBND tỉnh cho phép cán bộ, công chức đi công tác nước ngoài về việc riêng	
551.	T-THA-173477-TT	Tiếp nhận và trả hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, sửa đổi hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ và công hàm xin thị thực qua đường bưu điện	
552.	T-THA-173478-TT	Cho phép phóng viên nước ngoài hoạt động báo chí tại địa phương	Nghị định số 88/2012/NĐ-CP ngày 23/10/2012 của Chính phủ.

<b>Lĩnh vực Công tác dân tộc</b>			
553.	T-THA-074351-TT	Giao kế hoạch hàng năm về chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo đời sống khó khăn	Thông tư liên tịch số 04/2013/TTLT-UBDT-BTC-BTNMT ngày 18/11/2013.
<b>Lĩnh vực Thi hành án dân sự</b>			
554.	T-THA-075378-TT	Đình chỉ thi hành án.	Luật phá sản năm 2014 Thông tư liên tịch 144/2010/TTLT-T-BTC-BTP ngày 22/9/2010.
555.	T-THA-075379-TT	Hoãn thi hành án.	
556.	T-THA-075380-TT	Miễn, giảm các khoản chi phí cưỡng chế thi hành án.	
557.	T-THA-075382-TT	Miễn, giảm phí thi hành án	
558.	T-THA-075383-TT	Tạm đình chỉ thi hành án.	
559.	T-THA-075384-TT	Thi hành án đối với phần bản án, quyết định thuộc diện Cơ quan Thi hành án chủ động ra quyết định thi hành.	
560.	T-THA-075385-TT	Thi hành án theo đơn yêu cầu.	
<b>Lĩnh vực Phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ</b>			
<b>Lĩnh vực Giải quyết khiếu nại tố cáo</b>			
561.	T-THA-127883-TT	Giải quyết tố cáo tại cấp huyện	Luật Tiếp công dân năm 2013
562.	T-THA-127795-TT	Tiếp công dân của UBND cấp huyện.	
563.	T-THA-127813-TT	Xử lý đơn tại cấp huyện.	
564.	T-THA-127818-TT	Giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp huyện.	
565.	T-THA-127850-TT	Giải quyết khiếu nại lần hai tại cấp huyện	
<b>Lĩnh vực Đăng ký quản lý cư trú</b>			
566.	T-THA-070899-TT	Cấp giấy chuyển hộ khẩu	Nghị định số 31/2014/NĐ-CP ngày 18/4/2014 của Chính Phủ
567.	T-THA-070901-TT	Đổi, cấp lại sổ hộ khẩu.	
568.	T-THA-070902-TT	Đăng ký tạm trú, cấp sổ tạm trú.	
569.	T-THA-070906-TT	Đăng ký thường trú cho người đã thành niên cư trú trong nước.	
570.	T-THA-070913-TT	Đăng ký thường trú cho người sống độc thân được cơ quan, tổ chức, cá nhân chăm sóc, nuôi dưỡng tập trung	
571.	T-THA-070915-TT	Đăng ký nhân khẩu thường trú cho người chưa đến tuổi thành niên, không đăng ký thường trú cùng cha, mẹ; cha hoặc mẹ.	

572.	T-THA-070919-TT	Đăng ký thường trú chức sắc tôn giáo, nhà tu hành hoặc người khác chuyên hoạt động tôn giáo.	
573.	T-THA-070926-TT	Khai báo tạm vắng	
574.	T-THA-070932-TT	Lưu trú và thông báo lưu trú.	
575.	T-THA-070937-TT	Tách sổ hộ khẩu có chỗ ở hợp pháp riêng.	
576.	T-THA-070949-TT	Tách sổ hộ khẩu có cùng một chỗ ở hợp pháp.	
577.	T-THA-071022-TT	Đăng ký nhân khẩu thường trú cho Người Việt Nam định cư ở nước ngoài có hộ chiếu Việt nam còn giá trị sử dụng, còn quốc tịch Việt Nam trở về nước sinh sống	
578.	T-THA-071375-TT	Điều chỉnh những thay đổi trong sổ hộ khẩu trường hợp có thay đổi địa giới hành chính.	
579.	T-THA-071376-TT	Xóa đăng ký tạm trú.	
580.	T-THA-071377-TT	Xác nhận việc công dân trước đây đã đăng ký thường trú.	
581.	T-THA-071365-TT	Xóa đăng ký thường trú đối với các trường hợp: Chết, bị Tòa án tuyên bố là mất tích hoặc đã chết; Được tuyển dụng vào Quân đội nhân dân, Công an nhân dân ở tập trung trong doanh trại; Đã có quyết định huỷ đăng ký thường trú quy định tại Điều 37 của Luật này; Ra nước ngoài để định cư.	
582.	T-THA-071366-TT	Xóa đăng ký thường trú đối với người đã đăng ký thường trú ở nơi cư trú mới.	
583.	T-THA-071367-TT	Cấp đổi, cấp lại sổ tạm trú.	
584.	T-THA-071369-TT	Cấp mới sổ hộ khẩu cho cá nhân, hộ gia đình.	
585.	T-THA-071370-TT	Điều chỉnh sổ hộ khẩu trường hợp có thay đổi về họ, tên, chữ đệm, ngày, tháng, năm sinh hoặc các thay đổi khác về hộ tịch của người có tên trong sổ hộ khẩu.	
586.	T-THA-071373-TT	Điều chỉnh những thay đổi trong sổ hộ khẩu trường hợp chuyển đến chỗ ở hợp pháp mới trong phạm vi xã, thị trấn của huyện thuộc tỉnh.	
587.	T-THA-071374-TT	Điều chỉnh những thay đổi trong sổ hộ khẩu trường hợp thay đổi chủ hộ.	
<b>Lĩnh vực Cấp giấy chứng minh nhân dân</b>			
588.	T-THA-071378-TT	Xác nhận đơn cấp Giấy chứng minh nhân dân.	Thông tư số 66/2015/TT-BCA ngày 15/12/2015.